

Bản án số: 11/2023/HS-ST
Ngày 29-08-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH T, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Nam
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Công Lý
Ông Ngô Văn Tân

- Thư ký phiên tòa: Bà Lâm Huệ Chi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh T, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh T, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Hồng Diễm - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh T, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 14/2023/TLST-HS ngày 01 tháng 08 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2023/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 08 năm 2023 đối với bị cáo:

Trương Ngọc D, sinh năm 1985 tại thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. Nơi cư trú: Số X, đường Phạm H, phường Y, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng; Nơi thường trú: Số M, Tôn Đức T, khóm N, phường L, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 02/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông không rõ tên cha và bà Trương Thị Thu H; Có vợ tên Liêu Thị Bảo N (đã ly hôn) và con 01 người 09 tuổi; Tiền án: Có 01 tiền án, tại bản án hình sự sơ thẩm số 34/2018/HS-ST ngày 11/5/2018 của Tòa án nhân dân thành phố S, tỉnh Sóc Trăng phạt bị cáo 05 năm tù tội trộm cắp tài sản, bị cáo chấp hành xong hình phạt ngày 18/10/2021 chưa được xóa án tích; Tiền sự: Không; Nhân thân: Có 01 án tích tại bản án hình sự sơ thẩm số 30/2014/HS-ST ngày 21/4/2014 của Tòa án nhân dân thành phố S, tỉnh Sóc Trăng, phạt 07 tháng tù tội trộm cắp tài sản và đã bị xử phạt vi phạm hành chính tại quyết định số 184/QĐ-XPVPHC, ngày 23/11/2017 của Công an huyện Châu T, tỉnh Sóc Trăng phạt hành vi trộm cắp tài sản, mức phạt 1.500.000 đồng; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 28/5/2023 và chuyển tạm giam từ ngày 03/6/2023 đến nay “bị cáo có mặt”.

- Bị hại: Ông Lâm Quang L, sinh năm 1979 “có mặt”.

Nơi cư trú: ấp Kiết H, xã Lâm K, huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng.

- *Người làm chứng:*

1. Ông Lâm Văn U, sinh năm 1992.
2. Ông Phạm Minh G, sinh năm 1993.
3. Ông Phạm Thanh T, sinh năm 1970.

Cùng cư trú ấp Kiết H, xã Lâm K, huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng.

4. Ông Dương Thanh Đ, sinh năm 1989.
5. Ông Võ Văn H, sinh năm 1985.

Cùng cư trú ấp Phước B, xã Mỹ T, huyện Mỹ T, tỉnh Sóc Trăng.

(Các người làm chứng đều vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 13 giờ ngày 28/5/2023 bị cáo Trương Ngọc D và tên T rủ nhau tìm tài sản để trộm, T điều khiển xe mô tô từ Thành phố S đến ấp Kiết H, xã Lâm K, huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng cả hai thấy xe mô tô WareS, biển số 83S1-1884 của ông Lâm Quang L để bên hong nhà còn chìa khóa, D vào lấy xe, còn T đợi ở ngoài, D vừa lấy được xe thì anh Phạm Minh G hàng xóm phát hiện, D chạy xe về hướng huyện Mỹ T, thì ông L và một số người dùng xe đuổi theo đến ấp Tam S, xã Mỹ T, huyện Mỹ T, tỉnh Sóc Trăng thì bị cáo D bị ngã xe và bị công an xã cùng người dân bắt D cùng chiếc xe. Quá trình điều tra bị cáo D thừa nhận toàn bộ hành vi trộm chiếc xe nêu trên.

Tại phiên tòa bị cáo Trương Ngọc D thừa nhận: Vào ngày 28/5/2023 bị cáo cùng tên T đi đến ấp Kiết H, xã Lâm K thấy chiếc xe WareS, biển số 83S1-1884 để bên hong còn chìa khóa, nên bị cáo vào lấy xe chạy đến ấp Tam S, xã Mỹ T thì bị bắt, bị cáo đồng ý bồi thường cho ông L 1.550.000 đồng. Tại lời nói sau cùng bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Bị hại ông Lâm Quang L trình bày: Xe mô tô WareS, biển số 83S1-1884 của ông để bên hong nhà vẫn còn chìa khóa, thì bị D vào lấy xe chạy đi, ông và số người dùng xe đuổi theo đến ấp Tam S, xã Mỹ T, huyện Mỹ T, tỉnh Sóc Trăng bắt D cùng chiếc xe, xe ông đã nhận lại xong. Ông yêu cầu bị cáo bồi thường tiền sửa xe 1.550.000 đồng và xử lý bị cáo theo pháp luật.

Bản Cáo trạng số 14/CT-VKSTT ngày 01/08/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng truy tố bị cáo Trương Ngọc D về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố, phân tích, đánh giá các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm h, s khoản 1, Điều 51,

điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, (sửa đổi, bổ sung năm 2017), tuyên bố bị cáo Trương Ngọc D phạm tội: “Trộm cắp tài sản”. Đề nghị xử phạt bị cáo từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù. Về trách nhiệm dân sự buộc bị cáo bồi thường cho bị hại số tiền 1.550.000 đồng. Vật chứng chiếc xe cơ quan điều tra đã trả cho bị hại nên không xem xét. Đối với án phí hình sự và dân sự sơ thẩm bị cáo phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố: Điều tra viên, Kiểm sát viên, cơ quan Điều tra và cơ quan Viện kiểm sát trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng và cơ quan tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Về thủ tục tố tụng: Đối với các người làm chứng đều vắng mặt, xét thấy việc vắng mặt không cản trở xét xử, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự tiến hành xét xử.

[3] Tại phiên tòa cũng như trong quá trình điều tra, bị cáo D đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, bị cáo đã có hành vi lấy tài sản của bị hại gồm chiếc xe WareS, biển số 83S1-1884. Lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai bị hại, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Nên có đủ cơ sở xác định vào ngày 28/5/2023, tại ấp Kiết H, xã Lâm K, huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng, bị cáo D đã thực hiện hành vi chiếm đoạt chiếc xe WareS, biển số 83S1-1884 của ông L theo kết luận định giá số 10KL-HĐĐGTS, ngày 01/6/2023 của Hội đồng định giá tài sản huyện Thạnh T kết luận trị giá chiếc xe 6.400.000 đồng. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự quy định. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng ... thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm. Do đó, hành vi của bị cáo đã phạm tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Nên cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo là đúng pháp luật.

[4] Bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng vì muốn có tiền tiêu xài cá nhân, nên bị cáo chiếm đoạt tài sản của bị hại, bị cáo đã thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp, hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, đồng thời gây mất an ninh, trật tự tại địa phương. Vì vậy cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung trong xã hội.

[5] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Về tình tiết tăng nặng bị cáo có một tình tiết tăng nặng tái phạm được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự, có nhân thân xấu gồm 01 tiền án và 01 tiền sự; về tình tiết giảm nhẹ bị cáo đã thành khẩn khai báo, tài sản thu hồi nên gây thiệt hại không lớn. Do đó, Hội đồng xét xử cho bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự để xem xét khi lượng hình.

[6] Đối với tên T cùng bị cáo đi trộm cắp tài sản, nhưng chưa xác định được nhân thân, cơ quan điều tra tiếp tục xác minh xử lý sau.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại ông L yêu cầu bị cáo bồi thường tiền sửa xe 1.550.000 đồng và bị cáo đồng ý bồi thường. Xét thấy khi bị cáo trộm xe bỏ chạy làm hư hỏng xe nên bị hại đã sửa chữa là sự thật, buộc bị cáo bồi thường cho bị hại 1.550.000 đồng.

[8] Về xử lý vật chứng: Chiếc xe WareS, biển số 83S1-1884 của ông L, cơ quan cảnh sát điều tra thu giữ và đã trả lại cho ông L xong, nên Hội đồng xét xử không xem xét xử lý.

[9] Về án phí: Bị cáo là người bị kết án, nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng và án phí dân sự không có giá ngạch 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), theo quy định tại điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[10] Đề nghị của Viện kiểm sát về tội danh, áp dụng pháp luật, mức hình phạt, bồi thường thiệt hại, cũng như xử lý vật chứng và án phí đều phù hợp quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[11] Bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, điểm h, s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38, khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 584, khoản 1 Điều 589 Bộ luật Dân sự; điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố bị cáo Trương Ngọc D phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Trương Ngọc D 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn phạt tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ ngày 28/5/2023.

2. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Trương Ngọc D có nghĩa vụ bồi thường cho bị hại ông Lâm Quang L số tiền sửa xe 1.550.000 đồng (một triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về xử lý vật chứng: Không xem xét.

4. Về án phí: Bị cáo Trương Ngọc D phải chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) và án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

Bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng (1);
- VKSND tỉnh Sóc Trăng (1);
- Sở Tư pháp tỉnh Sóc Trăng (1);
- VKSND huyện Thạnh T (1);
- Công an huyện Thạnh T (Bộ phận hồ sơ nghiệp vụ, Cơ quan THAHS, Cơ quan cảnh sát điều tra) (3);
- Chi cục THADS huyện Thạnh T (1);
- Bị cáo (1); Bị hại (1);
- Lưu hồ sơ, Văn phòng, hồ sơ THAHS (3).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hoàng Nam